

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **10/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/4/2023

V/v tranh chấp “không công nhận
vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Miêng.

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hoà– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp XH II, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp XHII, xã TTh, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị P, anh T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08/9/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

Chị với anh T sống chung như vợ chồng từ năm 1994 đến nay, không có đăng ký kết hôn, có 03 con chung là Phạm Thị Hồng P, sinh ngày 10/9/1996; Phạm Hoài N, sinh ngày 06/01/2001 và Phạm Thị Quỳnh H, sinh ngày 15/3/2007.

Năm 2020 chị với anh T phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng luôn bất hoà, anh T không quan tâm chị, không chăm lo gia đình nên vợ chồng không còn sống chung với nhau, thời gian này con chung do chị trực tiếp nuôi. Cha mẹ hai bên đều biết có nhiều lần hoà giải cho chị với anh T nhưng chị không đồng ý.

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị với anh T là vợ chồng.

- Về con chung: Đối với con chung Phạm Thị Hồng P, sinh ngày 10/9/1996;

Phạm Hoài N, sinh ngày 06/01/2001 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung Phạm Thị Quỳnh H chị yêu cầu được trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị và anh T có tài sản chung là đất khoảng 10 công đất, 01 căn nhà cấp 4, chị và anh T đã tự thỏa thuận với nhau xong nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà anh Phạm Văn T trình bày:

Anh với chị P sống chung như vợ chồng từ năm 1994 đến nay, không có đăng ký kết hôn, có 03 con chung là Phạm Thị Hồng P, sinh ngày 10/9/1996; Phạm Hoài N, sinh ngày 06/01/2001 và Phạm Thị Quỳnh H, sinh ngày 15/3/2007.

Do anh đi làm xa ít ở nhà, chị P ở nhà có quan hệ tình cảm với người khác, anh nhiều lần bắt gặp, anh có nói rõ sự việc cho cha mẹ hai bên biết. Anh với chị P không còn sống chung từ năm 2021, khi anh với chị P không còn sống chung thì cha của chị P có nhiều lần hàn gắn cho anh và chị P nhưng chị P không đồng ý.

- Về hôn nhân: Hiện anh vẫn còn thương chị P, mong muốn được hàn gắn với chị P nên không đồng ý việc chị P yêu cầu Toà án không công nhận anh với chị P là vợ chồng.

- Về con chung: Đối với con chung Phạm Thị Hồng P, sinh ngày 10/9/1996; đã có gia đình riêng; Phạm Hoài N, sinh ngày 06/01/2001 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết. Anh đồng ý giao con chung Phạm Thị Quỳnh H sinh ngày 15/3/2007 cho chị P trực tiếp nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh với chị P đã tự thương lượng giải quyết xong nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Trần Thị P đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn Phạm Văn T không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị: Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P:

- Không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị P và anh Phạm Văn T là vợ chồng;

- Về con chung: cháu Phạm Thị Hồng P, sinh ngày 10/9/1996 và Phạm Hoài N, sinh ngày 06/01/2001 đã thành niên chị P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Giao cháu Phạm Thị Quỳnh H, sinh ngày 15/3/2007 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về tài sản chung, nợ chung: chị P, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị P yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với anh Phạm Văn T, do bị đơn sinh sống tại huyện Thanh Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị P và anh Phạm Văn T sống chung như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống chị P và anh T phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2021 đến nay không còn sống chung. Lễ đó, căn cứ Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình và điểm b mục 3 Nghị quyết 35 ngày 09/6/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị P và anh T là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Do con chung Phạm Thị Hồng P, sinh ngày 10/9/1996; đã có gia đình riêng; Phạm Hoài N, sinh ngày 06/01/2001 đã trưởng thành nên chị P và anh T không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung Phạm Thị Quỳnh H, sinh ngày 15/3/2007. Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Hương, anh T đồng ý giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi. Tại biên bản lấy ý kiến, cháu Hương trình bày có nguyện vọng sống cùng mẹ. Lễ đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cháu Hương cho chị P trực tiếp nuôi là phù hợp. Do chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết

[4] *Về tài sản chung*: Chị P và anh T trình bày đã tự thoả thuận phân chia xong nên không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị P và anh T trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Chị P phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 227, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 16, 53, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b mục 3 Nghị quyết 35 ngày 09/6/2000 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P. Không công nhận chị Trần Thị P và anh Phạm Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Trần Thị P được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Thị Quỳnh H, sinh ngày 15/3/2007. Do chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị P và anh Phạm Văn T trình bày đã tự thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị P và anh Phạm Văn T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị P phải nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0000964 ngày 20/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vân

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khoa - Nguyễn Thị Mỹ Duyên

Hồ Thị Triết

Riêng đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Phúc không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến, nếu sau này anh Phúc có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Triết